| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-9-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đào Minh Hoàng.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lê Hoàng Quy.
2. Ông Trịnh Sâm Châu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 609/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1990.
- *Bị đơn:* Anh Đường Khắc H1, sinh năm 1986.
Cùng địa chỉ: Tổ 38, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Đường Khắc H1 tự tìm hiểu và kết hôn với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H1 nhiều lần chửi và đánh đập chị. Cuộc sống hôn nhân khủng hoảng trầm trọng từ năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H1.

*Về con chung*: Có 01 con chung tên Đường Anh K, sinh ngày 09/4/2017.

Ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Hiện chị đang là công chức nhà nước, thời gian làm việc chủ yếu trong giờ hành chính, sáng 07 giờ 30 phút đến chiều 16 giờ 30 phút. Thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, trong đó từ tiền lương là khoảng 7.000.000 đồng, ngoài ra chị còn bán hàng online. Anh H1 thì đi làm các ngày trong tuần, mỗi ngày 12 tiếng. Anh H1 đi làm mỗi tuần ca ngày, mỗi tuần ca đêm, ngoài ra anh H1 thường xuyên tăng ca vào thứ bảy, chủ nhật nên không có thời gian để chăm sóc con.

*Về tài sản chung:* Chị và anh H1 có một phần đất thửa 337, tờ bản đồ số 28 và căn nhà trên đất tại khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung*: Không có.

2. Theo bản tự khai ngày 31/7/2023, bị đơn anh Đường Khắc H1 trình bày:.

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị H tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc từ năm 2014 đến 2019, thỉnh thoảng cũng có cãi nhau nhưng không trầm trọng. Từ năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề tiền bạc trong gia đình và vấn đề chăm sóc con, gia đình hai bên cũng có hòa giải mâu thuẫn của hai vợ chồng. Đến tháng 9/2021, thời gian anh đi làm ở lại công ty do dịch Covid–19, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt hơn, anh cũng muốn trao đổi với chị H nhưng chị H không muốn trao đổi để giải quyết mâu thuẫn. Anh cũng thừa nhận có đánh chị H nhưng do chị H có cắn anh nên anh mới đánh chị H và chị H cũng đánh lại anh, hai vợ chồng đánh nhau. Anh và chị H vẫn sống chung nhà nhưng không ăn cơm chung, không ai quan tâm chăm sóc nhau, chỉ nói chuyện với nhau khi liên quan đến con, đã ly thân với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị H và muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi dạy con.

*Về con chung*: Có 01 con chung tên Đường Anh K, sinh ngày 09/4/2017.

Ly hôn, chị H yêu cầu nuôi dưỡng con và yêu cầu anh cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng thì anh không đồng ý, anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện anh đang làm công nhân công ty cao su Chính Tân tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 3. Thời giờ làm việc chính của anh là từ 07 giờ đến 15 giờ chiều hoặc từ 07 giờ tối đến 03 giờ sáng, ngoài ra anh cũng có tăng ca nhưng không thường xuyên. Thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, anh sẽ cung cấp bảng lương cho Tòa án sau.

*Về tài sản chung:* Anh và chị H có tài sản chung là căn nhà và đất nhưng anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

*Về nợ chung*: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với bị đơn anh Đường Khắc H1, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1; Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Đường Anh K, sinh ngày 09/4/2017. Xét con chung vẫn đang do chị H và anh H1 cùng nuôi dưỡng, chị H và anh H1 hiện vẫn sống trên căn nhà chung của hai vợ chồng, chị H và anh H1 đều có việc làm ổn định nhưng công việc của chị H có thời giờ làm việc ổn định hơn, đảm bảo thời gian đưa đón con đi học. Đề nghị xử giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đường Khắc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đường Khắc H1 tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 87/2014, ngày 28/7/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị H cho rằng trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, anh H1 chửi và đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân khủng hoảng từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay nên yêu cầu ly hôn anh H1. Bị đơn anh H1 cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc từ năm 2014 đến năm 2019, thỉnh thoảng có cãi nhau nhưng không trầm trọng. Từ năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc và chăm sóc con, gia đình hai bên cũng có hòa giải mâu thuẫn của hai vợ chồng nhưng không được. Đến tháng 9/2021, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt hơn, anh muốn trao đổi với chị H để giải quyết mâu thuẫn nhưng chị H không đồng ý. Anh thừa nhận có đánh chị H nhưng do chị H cắn anh nên anh mới đánh chị H và hai vợ chồng đánh nhau. Anh và chị H vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, chỉ nói chuyện với nhau khi liên quan đến con, đã ly thân với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay. Anh không đồng ý ly hôn với chị H do còn tình cảm với chị H và muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi dạy con.

Xét thấy, chị H và anh H1 đều thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2020, thường xuyên cãi nhau, thậm chí còn đánh nhau nguyên nhân là do vấn đề kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con, vợ chồng đã tự hòa giải cũng như được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được, vợ chồng tuy vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Đối với anh H1 cho rằng còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án triệu tập vợ chồng anh chị đến Tòa án để hòa giải cho anh chị đoàn tụ thì anh H1 vắng mặt cho thấy anh H1 không còn thiết tha trong mối quan hệ hôn nhân này và cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H1 là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh H1, xử cho chị H ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung tên Đường Anh K, sinh ngày 09/4/2017. Xét điều kiện nuôi con, chị H và anh H1 đều có việc làm và thu nhập ổn định, hiện đang sinh sống trên căn nhà chung của hai vợ chồng tuy nhiên thời giờ làm việc của chị H ổn định hơn anh H1, cụ thể chị H làm việc trong giờ hành chính sáng từ 07 giờ 30 phút đến chiều 16 giờ 30 phút, anh H1 làm việc theo hai ca sáng 07 giờ đến 19 giờ hoặc tối 19 giờ đến 07 giờ sáng hôm sau, thỉnh thoảng phải tăng ca làm thêm. Đối với cháu K còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc, thường xuyên gần gũi từ cha mẹ và cần phải đưa đón đi học. Mặt khác, anh H1 có yêu cầu nuôi con nhưng khi Tòa án triệu tập thì anh H1 vắng mặt, bỏ mặc kết quả giải quyết cho thấy anh H1 không thiết tha được nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu K cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Theo ý kiến trình bày của anh H1 và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi anh H1 làm việc thể hiện thu nhập hàng tháng của anh H1 khoảng 15.000.000 đồng. Xét mức cấp dưỡng hàng tháng chị H yêu cầu bằng 1/5 thu nhập trung bình hàng tháng của anh H1, sau khi khấu trừ phần nghĩa vụ cấp dưỡng thì phần thu nhập còn lại của anh H1 vẫn cao hơn mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ, vừa đảm bảo quyền lợi cho con chung mà vẫn đảm bảo nhu cầu cũng như mức sống hiện tại cho anh H1. Do đó, chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị H và anh H1 đều trình bày vợ chồng có một phần đất thửa 337, tờ bản đồ số 28 và căn nhà trên đất tại khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị H và anh H1 đều trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đường Khắc Khiếu nên chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Anh Đường Khắc H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với bị đơn anh Đường Khắc H1 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

1. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Đường Khắc H1.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đường Anh K, sinh ngày 09/4/2017.

Xử giao cháu Đường Anh K, sinh ngày 09/4/2017 cho chị Trần Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh Đường Khắc H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Trần Thị H nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, chị H, anh H1 vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009841 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị H đã nộp xong).

Anh Đường Khắc H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đường Khắc H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Minh Hoàng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Quy** **Trịnh Sâm Châu** **Đào Minh Hoàng**